TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA - TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân và bà Nguyễn Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Ông Trịnh Minh Sỹ, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị U - sinh năm 1984 (có mặt)
Nguyên quán và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã P, huyện M, TP. Hà Nội
Nơi ĐKHKTT: Thôn T1, xã Đ, huyện Ư, TP. Hà Nội

**** Bị đơn***: Anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1980 (vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn T1, xã Đ, huyện Ư, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, bản tự khai chị Nguyễn Thị U là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội năm 2005. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung; anh Đ không tu chí làm ăn, cờ bạc, nợ nần. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, bản thân chị cũng cố gắng nhẫn nhịn để mong vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì tình cảm vợ chồng càng phai nhạt bấy nhiêu. Hơn nữa, mỗi lần khuyên bảo thì

anh Đ chửi mắng chị. Chị không thể chung sống được nên đã đưa hai con về ngoại sống ly thân mấy năm nay. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm, hỏi han đến nhau; bản thân anh Đ cũng không hề có trách nhiệm với các con. Vì vậy, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị cương quyết xin ly hôn anh Đ. Về con chung: có 02 con là Nguyễn Văn D - sinh ngày 28/8/2006 và cháu Nguyễn Thị Phương L – sinh ngày 21/01/2008. Hiện cả hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được quyền nuôi cả hai con, không đề nghị Tòa cấp dưỡng tiền nuôi con. Vì các cháu đã ở ổn định với chị nhiều năm nay; bản thân chị làm công nhân may lương trung bình hàng tháng là 7.000.000đ/tháng nên thu nhập lo được cho các con ăn học. Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến, đề nghị gì.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị U có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt không có lý do và không xuất trình tài liệu chứng cứ.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho chị Nguyễn Thị U được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung, giao chị U là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Văn D - sinh ngày 28/8/2006 và cháu Nguyễn Thị Phương L – sinh ngày 21/01/2008; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ cho đến khi có thay đổi khác; anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Chị U phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ□ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị U có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký nơi cư trú: Thôn Thành Vật, xã Đồng Tiến, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Nguyễn Văn Đ đến toà án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh Đ đều vắng mặt. Hội đồng xét xử đã mở phiên toà ngày 25/02/2022 nhưng vắng mặt của anh Đ nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai anh Đ vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phùng Xá, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội ngày 11/5/2005 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra muân thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; anh Đ chơi bời không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Bản thân hai anh chị đã có lần nộp đơn ly hôn sau đó rU đơn để mong vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng không cải thiện được. Vì nguyên nhân vậy nên cuộc sống hôn nhân của hai anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân 04 năm. Trong thời gian sống ly thân, không ai quan tâm đến ai; không có trách nhiệm với nhau. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng chị chị U và anh Đ liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có niềm tin với nhau. Vợ chồng đã ly thân một thời gian khá lâu. Nay chị U có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: Cuộc sống giữa chị U và anh Đ mẫu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị U là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn D - sinh ngày 28/8/2006 và cháu Nguyễn Thị Phương L – sinh ngày 21/01/2008. Chị U có nguyện vọng nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng còn anh Đ không có ý kiến gì.

Xét về tính ổn định, môi trường sinh hoạt cũng như tuổi của các cháu thì Hội đồng xét xử thấy: các cháu đã ở ổn định với chị U nhiều năm nay. Chị U làm công nhân may có mức thu nhập bình quân là 7.000.000đ/tháng nên chị U có công việc ổn định, có thu nhập. Anh Đ không có nghề nghiệp ổn định, nhiều năm nay không có trách nhiệm với với các con; thường xuyên đi làm nay đây mai đó. Bản thân cháu D và cháu L đã trên bẩy tuổi có đơn đề nghị xin được ở với chị U. Đồng thời, chính quyền địa phương cũng có quan điểm đề nghị Tòa căn cứ thực tế giải quyết để đảm bảo sự ổn định và quyền lợi, sự phát triển của trẻ em; giao chị U nuôi cả hai cháu. Vì vậy, giao chị U nuôi cháu D, cháu L là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị U không đề nghị anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con nên tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ cho đến khi có thay đổi khác; anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị U không đề nghị Tòa giải quyết, anh Nguyễn Văn Đ không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Giàng quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác nếu có tranh chấp.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị U phải nộp án phí ly hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);

Căn cứ Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sư;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Nguyễn Thị U được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung. Giao chị U là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung là cháu: Nguyễn Văn D - sinh ngày 28/8/2006 và cháu Nguyễn Thị Phương L – sinh ngày 21/01/2008; tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi

con đối với anh Đ cho đến khi có đề nghị thay đổi khác. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị U và anh Nguyễn Văn Đ đều không yêu cầu Toà giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0057271 ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Bích Hằng